

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG TH XUÂN SƠN

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế, năm học 2017-2018

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	501	109	97	113	84	98
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	501	109	97	113	84	98
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
Số học sinh chia theo năng lực							
Tự phục vụ, tự quản	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	356 71.06%	79 72.5%	61 2.9%	87 77%	70 83.3%	63 64.3%
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	143 28.54%	28 25.7%	36 37.1%	26 23%	14 16.7%	35 35.7%
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.4%	2 1.8%				
Hợp tác	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	359 71.66%	79 72.5%	65 67%	75 66.4%	71 84.5%	69 70.4%
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	140 27.94%	28 25.7%	32 33%	38 33.6%	13 15.5%	29 29.6%
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.4%	2 1.8%				
Tự học và Giải quyết vấn đề	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	336 67.07%	79 72.5%	62 64%	78 69%	59 70.2%	58 59.2%
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	163 32.53%	28 25.7%	35 36%	35 31%	25 29.8%	40 40.8%
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.4%	2 1.8%				
Số học sinh chia theo phẩm chất							
Chăm học	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	346 69.06%	72 66%	66 68%	77 68.1%	63 75%	68 69.4%
chăm làm	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	155 30.94%	37 34%	31 32%	36 31.9%	21 25%	30 30.6%

Tự tin, trách nhiệm	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	378 75.4%	98 89.9%	70 72.2%	75 66.4%	69 82.1%	66 67.3%
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	123 24.6%	11 10.1%	27 27.8%	38 33.6%	15 17.9%	32 32.7%
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
Trung thực, kỷ luật	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	446 89%	100 91.7%	94 96.9%	92 81.4%	79 94%	81 82.6%
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	55 11%	9 8.3%	3 3.1%	21 18.6%	5 6%	17 17.4%
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
Đoàn kết, yêu thương	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	460 91.8%	100 91.7%	95 98%	95 84%	81 96.4%	89 90.8%
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	41 8.2%	9 8.3%	2 2%	18 16%	3 3.6%	9 9.2%
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)						
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
Tiếng việt	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	224 44.7%	63 58%	44 45.4%	44 39%	36 42.9%	37 37.8%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	274 54.6%	43 39.3%	53 54.6%	69 61%	48 57.1%	61 62.2%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	3 0.7%	3 2.7%				
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
Toán	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	319 63.7%	73 67%	60 61.9%	75 66.4%	49 58.3%	62 63.3%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	180 36%	34 31.2%	37 38.1%	38 33.6%	35 41.7%	36 36.7%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.3%	2 1.8%				
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
Đạo Đức	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	314 62.7%	84 77.1%	47 48.5%	49 43.4%	65 77.4%	69 69%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	187	25	50	64	190	29

	(tỷ lệ so với tổng số)	37.3%	22.9%	51.5%	56.6%	22.6%	31%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
TNXH	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	187 58.6%	72 66%	59 60.8%	56 49.6%		
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	132 41.4%	37 34%	38 39.2%	57 50.4%		
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
Khoa học	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	91 50%				51 60.7%	40 40.8%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	91 50%				33 39.3%	58 59.2%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
Lịch sử, địa lý	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	105 57.69%				64 76.2%	41 41.8%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	77 42.31%				20 23.8%	57 58.2%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
Âm nhạc	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	239 47.7%	66 60.6%	37 38.1%	52 46%	44 52.3%	40 40.8%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	262 53.3%	43 39.4%	60 61.9%	61 54%	40 47.7%	58 59.2%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
Mỹ thuật	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	237 47.31%	64 64%	39 40.2%	49 43.4%	45 53.6%	40 40.8%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	264 52.69%	45 36%	58 59.8%	64 56.6%	39 46.4%	58 59.2%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
Thủ công, kĩ thuật	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	315 62.87%	78 71.6%	62 63.9%	55 48.7%	61 72.6%	59 60.2%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	186 37.13%	31 28.4%	35 36.1%	58 51.3%	23 27.4%	39 39.8%

	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
Thẻ dục	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	301 60.08%	76 69.7%	51 52.6%	71 62.8%	53 63.1%	50 51%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	200 39.92%	33 30.3%	46 47.4%	42 37.2%	31 36.9%	48 49%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
Tiếng anh	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	241 48.1%	54 49.5%	44 45.4%	50 44.2%	53 63.1%	40 40.8%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	259 51.7%	54 49.5%	53 54.6%	63 55.8%	31 39.9%	38 59.2%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.2%	1 1%				
Tin học	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	152 51.53%			47 41.6%	59 70.2%	46 46.9%
	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	143 48.47%			66 58.4%	25 29.8%	52 53.1%
	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)						
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	498 99.4%	106 97.2%	97 100%	113 100%	84 100%	98 100%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	328 94.52%	76 69.7%	62 63.9%	74 65.5%	55 65.5%	61 62.2%
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	19 5.48%	3 2.8%	3 3.1%	3 2.7%	2 2.4%	8 8.2%
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	3 0.6%	3 2.8%				

Xuân Sơn, ngày 12 tháng 9 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thị Hiền

